

Thứ ba, ngày 5 tháng 5 năm 2020

Vietnam Daily Review

Phiên tăng nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 6/5/2020		•	
Tuần 4/5-8/5/2020		•	
Tháng 5/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường hôm nay có một phiên giao dịch ít biến động. Thanh khoản suy giảm và biên độ nới hẹp tiếp tục báo hiệu tâm lý thận trọng của nhà đầu tư trên thị trường. Các mã cổ phiếu Bluechip cũng diễn biến trái chiều với đà tăng điểm được đóng góp chủ yếu bởi 3 mã VNM, GAS và VIC. Khối ngoại tiếp tục duy trì xu hướng bán ròng khi các thông tin vĩ mô thế giới vẫn đang phản ánh ảnh hưởng của dịch Covid-19 lên kinh tế toàn cầu. VN-Index dự kiến sẽ duy trì nhịp vận động tích lũy trong vùng điểm 750-787 điểm trong tuần này.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 670 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 05/05/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Chiến tranh thương mại_1.7%

Phân tích kỹ thuật: GVR_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+1.69 điểm**, đóng cửa 762.47. HNX-Index **-0.31 điểm**, đóng cửa 105.41.
- Kéo chỉ số tăng: **VNM (+1.44); GAS (+0.92); VIC (+0.87); GVR (+0.46); HPG (+0.32).**
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-1.24); VCB (-0.64); SAB (-0.60); VJC (-0.43); MSN (-0.30).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,474 tỷ đồng, -17.0%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 6.99 điểm, thu hẹp so với phiên trước. Thị trường có 167 mã tăng, 85 mã tham chiếu và 129 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-111.85 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm HPG (23.7 tỷ), STB (22.5 tỷ) và NVL (15.7 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-10.35 tỷ đồng.**

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

764.16

Giá trị: 2473.26 tỷ

1.69 (0.22%)

Khối ngoại (ròng): -111.85 tỷ

HNX-INDEX

105.41

Giá trị: 246.45 tỷ

-0.31 (-0.29%)

Khối ngoại (ròng): -10.37 tỷ

UPCOM-INDEX

51.98

Giá trị: 123.36 tỷ

0.07 (0.13%)

Khối ngoại (ròng): -10.3 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	22.4	9.61%
Giá vàng	1,699	-0.21%
Tỷ giá USD/VND	23,423	-0.07%
Tỷ giá EUR/VND	25,558	0.55%
Tỷ giá JPY/VND	21,929	-0.20%
LS liên NH 1 tháng	2.6%	14.27%
LS TPCP 5 năm	2.3%	-2.72%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VHM	26.0	HPG	-23.7
VNM	23.6	STB	-22.5
KDH	7.1	NVL	-15.8
PLX	5.5	CTG	-12.3
PHR	3.3	DPM	-12.0

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Cổ phiếu lớn	Trang 5
Thông kê thị trường	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
iBroker	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Chiến tranh thương mại_1.7%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	17/23 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Chiến tranh thương mại	1.7%	0.2%	0.2%	31.0%	-17.0%	-17.0%	17.6%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	1.3%	0.3%	0.3%	23.1%	-4.2%	-4.2%	15.6%
Bảo hiểm & Chứng khoán	1.3%	-1.1%	-1.1%	23.8%	-16.1%	-16.1%	22.6%
Dầu khí	1.1%	0.6%	0.6%	28.9%	-30.3%	-30.3%	15.6%
Bất động sản & Khu công nghiệp	1.0%	-0.1%	-0.1%	16.9%	-19.0%	-19.0%	22.6%
Vật liệu Xây dựng	0.9%	-0.6%	-0.6%	28.6%	-12.9%	-12.9%	22.0%
FTSE Việt Nam	0.8%	0.4%	0.4%	13.4%	-19.0%	-19.0%	15.6%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.6%	-0.3%	-0.3%	15.1%	-19.1%	-19.1%	22.0%
Xây dựng	0.6%	-2.3%	-2.3%	21.4%	-16.7%	-16.7%	22.0%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.4%	-0.9%	-0.9%	18.6%	-18.2%	-18.2%	17.6%
Hàng tiêu dùng	0.4%	-1.6%	-1.6%	31.7%	-15.1%	-15.1%	15.6%
VN Diamond	0.3%	-0.9%	-0.9%	20.1%	-20.9%	-20.9%	22.0%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.3%	-1.3%	-1.3%	22.4%	-21.9%	-21.9%	22.0%
Nước & Năng lượng	0.2%	-1.7%	-1.7%	19.4%	-15.3%	-15.3%	22.0%
Corona Avengers	0.2%	-1.6%	-1.6%	31.2%	-13.5%	-13.5%	15.6%
VN FinSelect	0.2%	-0.1%	-0.1%	15.0%	-19.6%	-19.6%	22.0%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.2%	-1.2%	-1.2%	19.8%	-20.3%	-20.3%	17.6%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.2%	-0.3%	-0.3%	16.9%	-22.8%	-22.8%	22.0%
Lãi suất giảm	0.2%	-0.6%	-0.6%	28.0%	-15.5%	-15.5%	19.1%
Cổ phiếu ngành Dược	0.0%	-0.7%	-0.7%	14.8%	-8.1%	-8.1%	17.6%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.0%	-0.2%	-0.2%	15.9%	-19.8%	-19.8%	17.6%
Ngân Hàng	-0.2%	-0.8%	-0.8%	14.1%	-17.9%	-17.9%	22.0%
Stay-at-home	-0.2%	-1.7%	-1.7%	27.1%	-7.8%	-7.8%	22.0%

Mục tiêu	4/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L22	0.8%	-1.2%	-1.2%	25.6%	-17.6%	-17.6%	19.5%
M31	0.6%	-0.5%	-0.5%	19.2%	-18.6%	-18.6%	20.8%
S32	0.3%	-2.3%	-2.3%	27.1%	-25.4%	-25.4%	22.1%
S11	0.3%	-0.5%	-0.5%	14.8%	-12.3%	-12.3%	18.6%
L11	0.2%	-1.1%	-1.1%	18.3%	-18.0%	-18.0%	17.3%
L32	0.1%	-2.2%	-2.2%	28.1%	-22.4%	-22.4%	20.8%
M12	0.0%	-0.9%	-0.9%	15.2%	-17.8%	-17.8%	19.9%
M22	0.0%	-0.8%	-0.8%	19.6%	-16.0%	-16.0%	18.7%
S21	-0.1%	-1.4%	-1.4%	21.1%	-18.0%	-18.0%	19.8%

Khẩu vị Rủi ro	2/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	0.8%	-0.9%	-0.9%	25.1%	-10.8%	-10.8%	18.8%
LOW1	0.7%	-0.6%	-0.6%	14.0%	-15.9%	-15.9%	17.0%
MID1	0.1%	-0.4%	-0.4%	24.2%	-10.5%	-10.5%	17.4%

INDEX							
VNINDEX	0.2%	-0.6%	-0.6%	15.3%	-20.5%	-20.5%	16.8%
VN30INDEX	0.2%	-0.6%	-0.6%	16.4%	-19.1%	-19.1%	17.3%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	23	17	6	11	12	11	12
Mục tiêu	9	4	5	2	7	2	7
Rủi ro	3	2	1	2	1	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

GVR_ Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: GVR đang nằm trong nhịp tăng giá trung hạn sau khi tạo ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn tại vùng giá 10. Thanh khoản cổ phiếu đang duy trì ở ngưỡng trung bình 20 phiên đồng cho thấy cổ phiếu vẫn đang hấp dẫn dòng tiền. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều đang ủng hộ tín hiệu tích cực. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku, cho thấy động lực tăng giá trung hạn đã hình thành. GVR nhiều khả năng sẽ kiểm tra lại ngưỡng kháng cự 14 trong các phiên giao dịch tới.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_Bứt phá

[Link](#)

TAR_Hồi phục từ đáy

[Link](#)

STB_Bứt phá

[Link](#)

KSB_Mô hình hai đáy

[Link](#)

TIG_Bứt phá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 5/5/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 5/5	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	21.70	6.42%	75.90%	-22.60%	-63.69%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	28.22	3.75%	24.10%	-12.10%	-57.12%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	84.17	2.46%	19.60%	16.30%	-55.44%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1698.80	-0.19%	-0.50%	4.80%	32.98%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	14.83	0.36%	-2.20%	3.10%	3.00%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	837.25	0.09%	0.60%	-3.10%	-6.66%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	517.00	-0.48%	-1.70%	-4.00%	5.62%		AFX
Sữa	USD /cwt	13.28	2.63%	9.60%	1.10%	-19.37%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	148.50	-0.20%	-1.40%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	10.40	-5.20%	10.90%	3.20%	-23.75%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	107.20	1.04%	0.90%	-8.60%	2.58%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	5123.00	0.25%	-1.40%	3.50%	-17.10%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	0.00	%	-0.30%	3.20%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1483.00	-0.27%	-1.60%	-2.80%	-18.34%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	0.00	%	-0.40%	6.60%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	52.10	-1.70%	1.70%	-21.50%	-39.66%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu Brent kỳ hạn tháng 7 tăng 76 US cent hay 2.9% lên 27.2 USD/thùng, trong khi dầu WTI dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 6 tăng 61 US cent hay 3.1% lên 20.39 USD/thùng.
- Giá dầu tăng 3% trong phiên qua do thêm nhiều quốc gia thông báo sẽ bắt đầu nới lỏng việc phong tỏa đồng thời các nhà sản xuất dầu hàng đầu thế giới cắt giảm nguồn cung dầu thô. Nhu cầu dầu toàn cầu dự kiến phục hồi khiêm tốn từ mức thấp trong tháng 4 do nhiều quốc gia nới lỏng các biện pháp phong tỏa. Italy, Phần Lan và một số bang của Mỹ đã thông báo nới lỏng hạn chế phong tỏa để hồi sinh nền kinh tế.
- Goldman Sachs lạc quan hơn so với trước đây về giá dầu tăng trong năm tới do sản lượng dầu thô thấp và sự phục hồi một phần về nhu cầu. Ngân hàng này đã nâng dự báo giá dầu Brent trong năm 2021 lên 55.63 USD/thùng trong từ 52.5 USD trước đó, tăng ước tính với dầu WTI lên 51.38 USD/thùng từ 48.5 USD/thùng.

Giá vàng

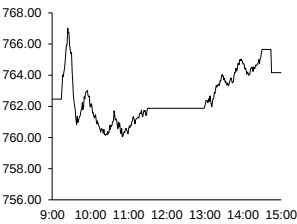
- Vàng giao ngay tăng 0.4% lên 1,705.62 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 6 tăng 0.7% lên 1,713.30 USD/ounce. Giá vàng đã tăng hơn 1% trong phiên trước, phục hồi từ mức thấp nhất trong gần 2 tuần sau khi Tổng thống Trump đe dọa áp thuế với Trung Quốc. Ngoài ra ngoại trưởng Mike Pompeo cho biết có bằng chứng rằng virus corona chủng mới xuất hiện từ một phòng thí nghiệm của Trung Quốc mặc dù ông không tranh luận về kết luận của cơ quan tình báo Mỹ rằng virus này không phải do con người tạo ra.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 7/2020 giảm 0.57 US cent hay 5.2% xuống 10.40 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 8/2020 giảm 9.2 USD hay 2.6% xuống 342.1 USD/tấn.
- Giá cà phê arabica kỳ hạn tháng 7/2020 tăng 1.1 US cent hay 1.0% lên 1.072 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 7/2020 giảm 8 USD hay 0.7% xuống 1,197 USD/tấn.
- Cà phê arabica đã mất gần 12% giá trị trong tháng 4 do triển vọng một vụ thu hoạch lớn tại Brazil. Indonesia đã xuất khẩu 11,171 tấn cà phê robusta từ tỉnh Lampung trong tháng 4, nhiều hơn gấp đôi so với mức năm ngoái.

Hình 1

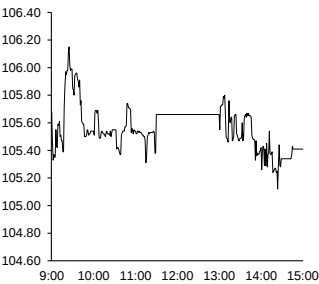
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

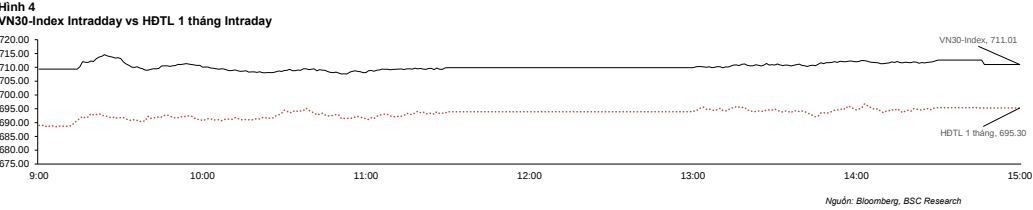
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ô tô và phụ tùng	2.50%
Hóa chất	2.41%
Tài nguyên Cơ bản	1.90%
Bảo hiểm	1.61%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.52%
Dầu khí	1.06%
Công nghệ Thông tin	0.60%
Xây dựng và Vật liệu	0.57%
Thực phẩm và đồ uống	0.46%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.37%
Y tế	0.22%
Dịch vụ tài chính	0.22%
Viễn thông	0.00%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.01%
Bất động sản	-0.07%
Bán lẻ	-0.18%
Ngân hàng	-0.38%
Truyền thông	-0.83%
Du lịch và Giải trí	-1.48%

Nguồn: FinPro

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đạo hạn	Số ngày*
VN30F2005	695.30	1.65%	-15.71	-5.7%	190,570	5/21/2020	18
VN30F2006	683.50	0.98%	-27.51	-44.1%	537	6/18/2020	46
VN30F2009	678.80	0.92%	-32.21	-46.7%	49	9/17/2020	137
VN30F2012	679.40	0.88%	-31.61	-69.6%	31	12/17/2020	228

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index tăng +1.66 điểm lên mức 711.01 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, HPG, VPB, VIC, và FPT tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. Trong phiên sáng, VN30 tăng tích cực đầu phiên lên gần 715 điểm, sau đó điều chỉnh giảm xuống dưới tham chiếu. Sang phiên chiều, VN30 hồi phục lên trên 710 điểm. Thanh khoản giảm, VN30 có thể tiếp tục vận động tích lũy quanh 705-725 điểm trong những phiên tiếp theo.

• Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2005, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2009, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu vận động tích lũy trong ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 670 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đạo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CMWG2005	VND	10/1/2020	149	2:1	59,700	58.3%	1.0 triệu	38.21%	2,500	6,840	-10.47%	1,943.80	3.52
CVHM2001	KIS	12/16/2020	225	5:1	131,750	258.5%	2.0 triệu	32.33%	3,100	1,070	-12.30%	127.30	8.41
CVRE2003	KIS	12/16/2020	225	2:1	113,350	73.1%	3.0 triệu	38.61%	3,000	840	0.00%	135.40	6.20
CPNJ2002	VND	10/1/2020	149	2:1	4,100	173.3%	1.0 triệu	33.66%	2,400	3,210	-17.27%	686.50	4.68
CSTB2002	KIS	12/16/2020	225	1:1	87,210	296.4%	3.0 triệu	37.31%	1,700	1,120	-5.08%	319.00	3.51
CVPB2001	HSC	6/22/2020	48	2:1	97,540	125.4%	5.0 triệu	40.17%	1,500	940	-3.09%	710.20	1.32
CFPT2003	SSI	11/9/2020	188	1:1	19,760	2644.4%	2.0 triệu	31.70%	7,300	8,400	0.00%	5,646.00	1.49
CHPG2005	VND	10/1/2020	149	1:1	95,530	169.9%	2.0 triệu	32.08%	2,100	5,360	4.48%	3,373.10	1.59
CVRE2001	KIS	9/21/2020	139	4:1	557,400	41.5%	8.0 triệu	38.61%	1,500	170	-5.56%	24.90	6.83
CFPT2004	SSI	8/10/2020	97	1:1	20,700	-56.2%	2.0 triệu	31.70%	5,100	6,030	3.43%	4,085.00	1.48
CVNM2002	KIS	12/16/2020	225	5:1	91,860	153.6%	3.0 triệu	29.31%	3,200	1,220	7.96%	221.00	5.52
CFPT2005	VND	7/1/2020	57	1:1	9,830	64.1%	1.0 triệu	31.70%	2,900	6,130	-3.46%	3,778.30	1.62
CNVL2001	KIS	12/16/2020	225	4:1	53,180	47.7%	2.0 triệu	17.15%	2,300	1,260	-5.97%	67.50	18.67
CMSN2001	KIS	12/16/2020	225	5:1	73,090	210.0%	2.0 triệu	32.23%	2,300	1,670	-5.65%	605.20	2.76
CHPG2002	KIS	12/16/2020	225	2:1	88,510	303.1%	3.0 triệu	32.08%	1,700	910	-2.15%	166.70	5.46
CREE2002	VND	7/1/2020	57	1:1	70,180	131.5%	1.5 triệu	29.31%	1,800	2,150	2.87%	714.20	3.01
CFPT1908	MBS	6/17/2020	43	3:1	149,450	109.0%	2.4 triệu	31.70%	3,150	700	11.11%	379.50	1.84
CHPG2001	CHPG	6/30/2020	56	2:1	127,220	75.5%	5.0 triệu	32.08%	1,800	500	11.11%	154.60	3.23
CMBB2004	VND	7/1/2020	57	1:1	140,550	28.9%	2.0 triệu	32.48%	1,100	1,350	-12.34%	406.10	3.32
CSTB2001	KIS	6/19/2020	45	1:1	209,190	-47.1%	5.0 triệu	37.31%	1,500	260	-3.70%	36.90	7.05
CHPG2004	SSI	6/15/2020	41	1:1	144,500	27.3%	5.0 triệu	32.08%	2,800	650	20.37%	278.30	2.34
Tổng:					2,344,600		60.90 triệu	32.94%**					

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 05/05/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

• Về giá, CPNJ2002 và CMBB2004 giảm mạnh lần lượt là -17.27% và -12.34%. Giá trị giao dịch tăng 49.74%. CHPG2005 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 15.95% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, MBB, và VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CHPG2005 và CFPT2005 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG2005 và CHPG2005 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	100.50	2.97	2.15
HPG	21.40	1.90	0.87
VPB	20.35	1.50	0.67
VIC	92.70	0.98	0.57
FPT	50.90	0.79	0.29

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VJC	111.5	-2.45	-0.96
VHM	63.6	-2.00	-0.66
MSN	56.4	-1.57	-0.55
VCB	66.8	-0.89	-0.32
SAB	151.7	-2.13	-0.31

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG2005	97,000	92,000	79,300
CVHM2001	110,067	94,567	63,600
CVRE2003	43,999	37,999	23,550
CPNJ2002	73,800	69,000	56,000
CSTB2002	13,588	11,888	8,970
CVPB2001	23,000	20,000	20,350
CFPT2003	57,300	50,000	50,900
CHPG2005	21,100	19,000	21,400
CVRE2001	42,789	36,789	23,550
CFPT2004	55,100	50,000	50,900
CVNM2002	157,111	141,111	100,500
CFPT2005	51,900	49,000	50,900
CNVL2001	75,088	65,888	52,800
CMSN2001	77,289	65,789	56,400
CHPG2002	33,399	29,999	21,400
CREE2002	33,800	32,000	30,000
CFPT1908	63,450	54,000	50,900
CHPG2001	27,600	24,000	21,400
CMBB2004	18,100	17,000	15,800
CSTB2001	12,499	10,999	8,970
CHPG2004	26,300	23,500	21,400

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	79.3	-0.1%	1.2	1,561	1.8	8,808	9.0	2.7	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	56.0	-0.9%	1.3	548	1.9	5,248	10.7	2.5	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	45.0	2.0%	1.4	1,452	0.7	1,168	38.5	1.7	28.7%	4.7%
PVI	Bảo hiểm	30.7	0.0%	0.6	308	0.0	2,092	14.7	1.0	54.3%	7.0%
VIC	Bất động sản	92.7	1.0%	0.9	13,633	1.1	2,095	44.2	3.9	14.1%	10.6%
VRE	Bất động sản	23.6	0.4%	1.1	2,327	2.5	1,226	19.2	2.0	31.3%	10.3%
NVL	Bất động sản	52.8	0.0%	0.8	2,226	4.2	3,584	14.7	2.3	6.0%	16.3%
REE	Bất động sản	30.0	1.4%	0.9	404	0.3	4,976	6.0	0.9	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	9.4	0.5%	1.5	212	1.0	2,289	4.1	0.7	39.9%	15.9%
SSI	Chứng khoán	12.7	-0.4%	1.3	331	0.9	1,415	8.9	0.7	51.1%	7.8%
VCI	Chứng khoán	18.5	4.2%	1.0	132	0.2	4,240	4.4	0.8	33.8%	18.0%
HCM	Chứng khoán	15.9	2.6%	1.8	211	0.8	1,480	10.7	1.1	54.8%	12.0%
FPT	Công nghệ	50.9	0.8%	0.8	1,509	1.5	4,804	10.6	2.4	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	48.9	0.8%	0.4	529	0.0	4,812	10.2	2.6	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	65.5	2.7%	1.4	5,451	1.8	5,820	11.3	2.5	3.3%	23.6%
PLX	Dầu khí	40.4	0.7%	1.5	2,092	1.0	869	46.5	2.6	13.1%	5.7%
PVS	Dầu khí	11.8	2.6%	1.6	245	1.4	1,777	6.6	0.5	14.3%	7.1%
BSR	Dầu khí	6.0	1.7%	0.8	809	0.5	898	6.7	0.5	41.1%	8.5%
DHG	Dược	93.8	-0.3%	0.5	533	0.0	5,046	18.6	3.5	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	13.4	-1.5%	0.6	228	1.5	1,006	13.3	0.6	15.0%	5.4%
DCM	Hóa chất	8.1	1.9%	0.6	185	0.4	415	19.4	0.7	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	66.8	-0.9%	1.2	10,772	2.9	4,848	13.8	2.9	23.5%	22.8%
BID	Ngân hàng	35.3	0.0%	1.5	6,173	0.7	2,140	16.5	1.9	17.8%	12.0%
CTG	Ngân hàng	19.9	-1.0%	1.2	3,213	2.6	2,510	7.9	0.9	29.6%	12.6%
VPB	Ngân hàng	20.4	1.5%	1.2	2,157	2.0	3,750	5.4	1.1	22.8%	22.7%
MBB	Ngân hàng	15.8	-0.3%	1.1	1,657	1.7	3,398	4.6	0.9	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	20.3	0.0%	1.0	1,468	1.0	3,780	5.4	1.1	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	45.0	-3.6%	0.9	160	0.3	5,303	8.5	1.4	79.1%	17.0%
NTP	Nhựa	32.8	1.9%	0.4	140	0.0	4,208	7.8	1.3	18.5%	17.0%
MSR	Tài nguyên	15.0	-3.2%	0.6	645	0.0	356	42.1	1.2	2.0%	2.9%
HPG	Thép	21.4	1.9%	1.1	2,569	5.5	2,764	7.7	1.2	36.7%	17.4%
HSG	Thép	7.7	2.0%	1.6	149	1.5	1,491	5.2	0.6	17.4%	11.3%
VNM	Tiêu dùng	100.5	3.0%	0.7	7,609	5.0	5,453	18.4	5.8	58.4%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	151.7	-2.1%	0.8	4,230	0.8	6,719	22.6	5.6	63.4%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	56.4	-1.6%	1.0	2,866	2.7	3,961	14.2	1.6	36.0%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	14.2	0.0%	0.8	361	1.4	352	40.2	1.2	5.8%	3.5%
ACV	Vận tải	57.0	-1.0%	0.8	5,395	0.5	3,450	16.5	3.4	3.5%	22.3%
VJC	Vận tải	111.5	-2.4%	1.1	2,539	1.3	7,889	14.1	3.8	18.7%	28.7%
HVN	Vận tải	26.0	-0.4%	1.7	1,603	0.7	1,654	15.7	2.0	9.4%	12.9%
GMD	Vận tải	18.0	0.0%	1.0	232	0.2	1,583	11.4	0.9	49.0%	8.1%
PVT	Vận tải	9.7	0.7%	1.0	119	0.4	2,117	4.6	0.6	26.0%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	61.0	-0.3%	1.1	424	0.7	9,201	6.6	2.9	2.5%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	17.3	4.8%	0.8	337	0.3	1,453	11.9	1.2	13.3%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	12.9	0.0%	1.0	214	0.0	1,938	6.7	0.9	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	61.0	0.0%	1.2	202	0.5	8,032	7.6	0.5	46.4%	7.3%
VCG	Xây dựng	25.4	-1.2%	0.5	488	0.0	1,548	16.4	1.7	0.5%	10.2%
CII	Xây dựng	19.4	0.5%	0.4	209	1.0	1,775	10.9	0.9	45.6%	8.5%
POW	Điện	9.7	-1.6%	0.6	984	2.1	1,028	9.4	0.8	11.5%	9.4%
NT2	Điện	20.0	-0.5%	0.6	250	0.2	2,543	7.8	1.3	17.6%	18.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	100.50	2.97	1.44	1.16MLN
GAS	65.50	2.66	0.93	652830.00
VIC	92.70	0.98	0.87	274700.00
GVR	11.10	3.74	0.46	1.07MLN
HPG	21.40	1.90	0.32	5.89MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	0.00	-1.24	2.40MLN	1.11MLN
VCB	0.00	-0.64	1.01MLN	607060.00
SAB	0.00	-0.60	117620.00	373600.00
VJC	0.00	-0.43	257530.00	192700.00
MSN	0.00	-0.30	1.10MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GTN	16.10	6.98	0.08	3.59MLN
TDW	23.85	6.95	0.00	160.00
HTN	16.95	6.94	0.01	71650.00
SVC	64.80	6.93	0.03	110640.00
DRH	5.26	6.91	0.01	1.99MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TCO	8.65	-6.99	0.00	150.00
SVI	70.70	-6.97	-0.02	10.00
LGL	4.67	-6.97	-0.01	47060.00
RIC	4.54	-6.97	0.00	20.00
SMA	16.10	-6.94	-0.01	130.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DGC	28.70	3.99	0.09	350200.00
PVS	11.80	2.61	0.07	2.67MLN
OCH	7.10	9.23	0.06	100.00
VIF	18.10	5.23	0.03	100.00
NTP	32.80	1.86	0.02	14200.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	15.20	-2.56	-0.54	2.45MLN
MBG	8.30	-9.78	-0.04	1.60MLN
KLF	2.00	-9.09	-0.03	1.17MLN
VCG	25.40	-1.17	-0.02	41500.00
CTX	9.50	-9.52	-0.02	2300.00

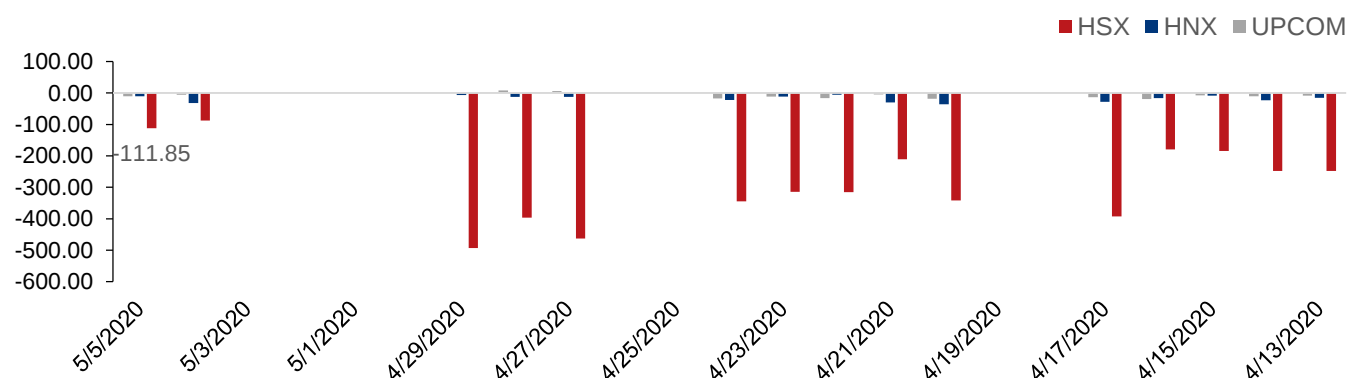
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BII	0.70	16.7	0.00	78200.00
MEC	0.90	12.5	0.00	16100.00
PVX	0.90	12.5	0.02	864800.00
KVC	1.00	11.1	0.01	307000.00
VNT	50.60	10.0	0.01	1900.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SPI	0.80	-11.11	0.00	206400.00
PCG	4.50	-10.00	0.00	500.00
PCT	6.30	-10.00	0.00	900.00
WSS	1.80	-10.00	-0.01	1000.00
VXB	7.30	-9.88	0.00	100.00

Hình 3
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
2	BSC_Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
4	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
6	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
7	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
10	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
11	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
13	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
14	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
16	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
18	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	44.1	3,887	11.3	2.2	Click
2	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	50.9	4,804	10.6	2.4	Click
3	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	18.0	1,583	11.4	0.9	Click
4	ACB	Ngân hàng	Mua	16/3/2020	22.0	29.0	20.3	3,780	5.4	1.1	Click
5	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	12.9	1,880	6.9	0.6	Click
6	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	151.7	6,719	22.6	5.6	Click
7	KDH	Bất động sản	Mua	11/3/2020	23.0	28.9	21.0	1,782	11.8	1.5	Click
8	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	100.5	5,453	18.4	5.8	Click
9	AAA	Sản xuất	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	12.1	1,781	6.8	0.7	Click
10	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	79.3	8,808	9.0	2.7	Click
11	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	29.4	6,553	4.5	1.1	Click
12	FPT	Công nghệ	Mua	21/2/2020	54.2	70.3	50.9	4,804	10.6	2.4	Click
13	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	19.7	2,282	8.6	1.4	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	17/2/2020	28.0	33.9	25.5	4,465	5.7	1.1	Click
15	DHG	Y tế	Theo dõi	3/2/2020	93.0	n/a	93.8	5,046	18.6	3.5	Click
16	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	22.7	4,313	5.3	1.1	Click
17	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	56.0	5,248	10.7	2.5	Click
18	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	9.7	2,117	4.6	0.6	Click
19	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	166.5	14,782	11.3	4.6	Click
20	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	14.7	18.9	9.5	0	13.5	0.3	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express DGC 2020Q2	21/4/2020	Kế hoạch kinh doanh năm 2020 DGC đặt kế hoạch doanh thu 6,085 tỷ (+19.5% YoY) và lợi nhuận sau thuế 600 tỷ (+4.9% YoY). Kết quả kinh doanh Quý 1 DGC ghi nhận doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 1,520 tỷ (+30.6% YoY) và 199.5 tỷ (+66.3% YoY). Biên lợi nhuận gộp đạt 20.1%, tăng mạnh từ mức 16.9% cùng kỳ. Công ty cho biết trong quý 1 năm 2020 sản lượng tăng 30.1% (chủ yếu ở sản phẩm phốt pho và phân bón), như vậy, giá bán bình quân tiếp tục đi ngang. Việc biên lợi nhuận gộp tăng mạnh BSC cho rằng nhờ giảm chi phí đầu vào: Giá than cốc (chiếm ~10% COGS) giảm 10.3% YoY. DGC cho biết việc vận chuyển hàng hóa vẫn diễn ra bình thường trong quý 1 năm 2020. Thuế xuất khẩu mặt hàng Phốt pho Bộ Tài chính quyết định giữ nguyên mức thuế xuất khẩu với Phốt pho vàng là 5% sau khi tỉnh Lào Cai đề xuất tăng lên mức 20%.
Express VHC 2020Q2	20/4/2020	Khuyến nghị THEO DÕI Kế hoạch kinh doanh 2020 (2 kịch bản) Đối với kịch bản tích cực, doanh thu và LNST đạt 8,600 tỷ (+9.3% YoY) và 1,063 tỷ (-9.8% YoY). Đối với kịch bản tiêu cực, doanh thu và LNST đạt 6,450 tỷ (-18% YoY) và 800 tỷ (-32.1% YoY). VHC kỳ vọng sản lượng +15%, ASP giảm làm tổng DT +10% Capex 2020: dự kiến 580 tỷ; Trại cá giống + Mở rộng Collagen (T8.20) + NM đầu cá (205 tỷ); kho lạnh Vĩnh Phước (160 tỷ), xây/cải tạo vùng nuôi (30 tỷ). Bối cảnh chung 2020 tiếp tục là một năm ngành cá tra điều chỉnh sau 2 năm (2017 – 2018) tăng nóng: sản lượng tăng và ASP trung bình năm giảm (1H: ASP thấp; 2H: ASP cải thiện). Tỷ giá có thể biến động ko ổn định trong 2020.
PNJ 2020Q2	10/4/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 60000; Giá tại Publish 57600 Lợi nhuận gộp Q1/20 ước tính đạt 1,085 tỷ đồng (+3.2% YoY) tương đương biên gộp là 21.7% (giảm nhẹ 20 bps YoY). Chiến lược tập trung vào các dòng sản phẩm có biên lợi nhuận cao đã giúp cho PNJ duy trì được mức biên gộp cao và tối ưu hóa chi phí trong mùa dịch như tiết giảm chi phí nhân viên, thuê mặt bằng ngoài,... đã góp phần làm biên LNST duy trì mức tốt là 8.2% YoY (giảm nhẹ 80 bps YoY). Chúng tôi lưu ý Q2 và Q3 thường là giai đoạn thấp điểm của PNJ nên khả năng sẽ không duy trì được biên gộp cao như Q1 trong 2 quý tới.
Express FPT 2020Q2	8/4/2020	Khuyến nghị MUA Kế hoạch kinh doanh 2020 FPT đặt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt đạt 32,450 tỷ đồng (+17% YoY) và 5,510 tỷ đồng (+18% YoY). Liên quan đến nCoV: (1) Cắt giảm chi phí sản xuất (giảm đầu tư ngắn hạn, các chi phí không ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh); duy trì các chi phí tạo ra doanh số, hợp đồng trực tiếp. Hiện tại, giá bán của FPT đang tiệm cận các đối thủ khác, việc cắt giảm chi phí đúng lúc sẽ tạo ra thế mạnh cho FPT; (2) Đặt ra các tình huống khác nhau (các kịch bản kinh doanh khác nhau) tùy theo tình hình dịch bệnh và bám sát hoạt động kinh doanh theo quý, nhưng xác suất điều chỉnh kịch bản kinh doanh 2020 là khá cao. Hiện tại, KHKD Q2 phải giảm 15% so với KHKD ban đầu (dự kiến tuy không suy giảm nhưng ghi nhận mức tăng trưởng nhẹ); (3) Thay đổi cách thức bán hàng từ offline sang online: Xuất khẩu phần mềm: call conference đến các lãnh đạo cấp cao của doanh nghiệp thay vì gặp mặt trực tiếp, Viễn thông: đẩy mạnh bán hàng online, kênh xã hội thay vì door – to – door, Giáo dục: Cung cấp hình thức dạy trực tuyến, Chuyển đổi công nghệ số từ offline sang online là thay đổi lớn nhất; (4) Tăng cường thu hồi công nợ từ các khoản nợ khó đòi.
VNM 2020Q2	1/4/2020	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 125000; Giá tại Publish 91000 Theo VNM chia sẻ, doanh thu cả năm của VNM có thể tăng trưởng chậm lại từ 5-6% dưới tác động của dịch bệnh COVID-19, so với kế hoạch tăng trưởng đầu năm là 10% và không thấp hơn 62,000 tỷ đồng do chưa loại trừ ảnh hưởng của dịch. Chi phí SGA/REV của VNM 2020 sẽ có sự điều tiết giảm về mức 24-25% do (1) Giảm lương nhân viên (2) Giảm marketing, quảng cáo (3) Tăng khuyến mãi để kích thích tiêu dùng. BSC kỳ vọng DTT và LNST của VNM 2020 sẽ đạt lần lượt 59,589 tỷ đồng (+5.6% YoY) và 11,322 tỷ đồng (+7% YoY) nhờ cải thiện được biên gộp, và giảm chi phí SGA/REV; tương đương EPS 2020 là 5,876 VND/cp, PE fw = 18.1x, PB fw = 5.4x. Hiện tại, VNM đang được giao dịch với mức PE TTM là 15x thấp hơn so với quá khứ là 20x, nếu giá cổ phiếu tiếp tục giảm thì doanh nghiệp sẽ thực hiện mua cổ phiếu quý.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn